| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH THÁI NGUYÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 31/2024/HS-ST
Ngày: 02 - 4 - 2024

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Dương Văn Bản.

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đinh Thanh Hải

2. Bà Hà Thị Dung

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Diệp Thu Trang – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà:*** Ông Nông Anh Vượng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2024 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý 104/2023/TLST- HS ngày 08 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phạm Ngọc T, sinh ngày 02/4/1988, tại tỉnh Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: xóm Q, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn T1, sinh năm 1955, con bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1963; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 2; Vợ Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1996, có 03 con chung, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú hiện đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: Lê Thị P, sinh ngày 18/4/1980, tại tỉnh Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ F, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Kế toán; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới

tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn C1 (đã chết), con bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1952; Gia đình có 02 chị em bị cáo là con thứ nhất; Có chồng Vũ Mai P1, sinh năm 1974, có 02 con chung, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú hiện đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt tại phiên tòa).

*** Người bào chữa cho bị cáo**: Luật sư Phạm Trung K - Công ty L1, Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên.

(vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Họ và tên: Dương Thị T2, sinh ngày 20/9/1987, tại tỉnh Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ E, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Kế toán; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Dương Quang Đ, sinh năm 1966, con bà Dương Thị M (đã chết); Gia đình có 02 chị em bị cáo là con thứ nhất; Có chồng: Phạm Tiến T3, sinh năm 1986, có 02 con chung, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú hiện đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt tại phiên tòa).

4. Họ và tên: Nguyễn Thị N1, sinh ngày 25/02/1981, tại tỉnh Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ A, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Kế toán; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T4, sinh năm 1950, con bà Nguyễn Thị N2 (đã chết); Gia đình có 07 anh chị em bị cáo là con thứ sáu; Có chồng Lê Thành N3, sinh năm 1978, có 02 con chung lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 236/2014/HSPT ngày 25/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, tuyên xử Nguyễn Thị N1 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng về tội *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"* Bị cáo đã chấp hành xong Bản án.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú hiện đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt tại phiên tòa).

5. Họ và tên: Nguyễn Thị H1, sinh ngày 02/9/1987, tại tỉnh Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: xóm H, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Kế toán; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Duy T5,

sinh năm 1962, con bà Phạm Thị S, sinh năm 1965; Gia đình có 02 chị em bị cáo là con thứ nhất; Có chồng Phùng Quang L, S1 năm 1986, có 02 con chung lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú hiện đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt tại phiên tòa).

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Công Ty Cổ phần T14

Địa chỉ: Tổ G, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên;

Người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1996- Giám đốc công ty

Địa chỉ: Xóm Q, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

(vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Ông Phạm Văn T1; sinh năm 1955,

Địa chỉ: xóm Q, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

(vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt)

*** Người làm chứng:**

1. Anh Hoàng Văn T6, sinh năm 1974

Địa chỉ: TDP Bãi Á, thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên

2. Anh Lộc Văn H2, sinh năm 1996

Địa chỉ: Xóm B, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

3. Chị Lê Thị N4, sinh năm 1983

Địa chỉ: Xóm S, xã S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

4. Anh Lường Văn N5, sinh năm 1976

Địa chỉ: Xóm S, xã S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

5. Anh Chu Minh P2, sinh năm 1990

Địa chỉ: Xóm G, xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

6. Anh Đỗ Minh T7, sinh năm 1989

Địa chỉ: Xóm T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

7. Anh Phạm Ngọc H3, sinh năm 1989

Địa chỉ: Xóm L, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

8. Anh Đào Thế N6, sinh năm 1990

Địa chỉ: Xóm T, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

9. Chị Nịnh Thị H4, sinh năm 1993

Địa chỉ: Xóm S, xã S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

10. Anh Lý Văn H5, sinh năm 1995

Địa chỉ: Xóm H, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

11. Anh Phan Trí K1, sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ H, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên

12. Anh Nguyễn Tiến Q, sinh năm 1997

Địa chỉ: Xóm Q, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

13. Chị Hoàng Thị T8, sinh năm 1974

Địa chỉ: Xóm S, xã S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

14. Chị Hoàng Thị T9, sinh năm 1989

Địa chỉ: Xóm S, xã S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

15. Chị Ngô Thị V, sinh năm 1978

Địa chỉ: Xóm S, xã S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

16. Chị Lê Thị T10, sinh năm 1980

Địa chỉ: Xóm S, xã S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

17. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1966

Địa chỉ: Xóm S, xã S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

18. Bà Nguyễn Thị P3, sinh năm 1972

Địa chỉ: Xóm S, xã S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

19. Chị Nguyễn Thị H6, sinh năm 1992

Địa chỉ: Xóm S, xã S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

20. Ông Đặng Văn D, sinh năm 1967

Địa chỉ: Xóm S, xã S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

21. Anh Ma Văn D1, sinh năm 1988

Địa chỉ: Xóm N, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

22. Anh Nghiêm Xuân T11, sinh năm 1995

Địa chỉ: Xóm L, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

23. Anh Dương Văn H7, sinh năm 1996

Địa chỉ: Xóm Đ, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

24. Anh Vũ Đức T12, sinh năm 1996

Địa chỉ: Xóm C, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

25. Anh Trần Văn P4, sinh năm 1974

Địa chỉ: Xóm L, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

26. Chị Lưu Thị B1, sinh năm 1980

Địa chỉ: Xóm N, xã P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Tất cả đều vắng mặt- Chị B1 có đơn xin xét xử vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần T14 (gọi tắt là Công ty T15) đăng ký thành lập ngày 11/8/2014, qua nhiều lần thay đổi đăng ký kinh doanh, lần thay đổi gần nhất ngày 21/2/2022 Công ty T15 có mã số doanh nghiệp là 4601182182; địa chỉ đăng ký trụ sở: Tổ G, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; ngành nghề kinh doanh chính: Bán buôn, bán lẻ xăng dầu, vốn điều lệ 15.000.000.000 đồng *(Mười lăm tỷ đồng)*. Công ty T15 kê khai báo cáo thuế tại Cục Thuế tỉnh T, năm tài chính áp dụng từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm, hình thức hạch toán độc lập.

Trải qua nhiều lần thay đổi đăng ký kinh doanh từ năm 2014-2022, thời điểm hiện tại Công ty T15 có 03 cổ đông góp vốn là Phạm Ngọc T, sinh năm 1988, Nguyễn Thị Thu H (vợ của T), sinh năm 1996 cùng trú tại xóm Q, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và ông Phạm Văn T1 (bố đẻ của T), sinh năm 1955, trú tại xóm Q, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Trong đó, Phạm Ngọc T là Chủ tịch Hội đồng quản trị (nắm giữ 34% cổ phần), Nguyễn Thị Thu H là thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc- Người đại diện theo pháp luật của công ty (nắm giữ 33% cổ phần) và ông Phạm Văn T1 là thành viên Hội đồng quản trị (nắm giữ 33% cổ phần).

Mặc dù Công ty T15 trải qua nhiều lần thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty nhưng thực tế mọi hoạt động của công ty là do Phạm Ngọc T điều hành, quyết định. Trong quá trình điều hành Công ty T15, T đã liên hệ, chỉ đạo cùng với sự giúp sức của nhân viên kế toán và một số người liên quan thực hiện hành vi Trốn thuế thu nhập doanh nghiệp cụ thể như sau:

***1. Hành vi Trốn thuế thu nhập doanh nghiệp bằng thủ đoạn tạo lập, sử dụng chứng từ, tài liệu không hợp pháp để kê khai, quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) năm 2021***

Kết thúc năm tài chính 2021, đến khoảng tháng 05/2022, do kế toán của Công ty T15 là Lưu Thị B1, sinh năm 1980, trú tại xóm N, xã P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên đã nghỉ việc từ tháng 09/2021 nên không có ai giúp Phạm Ngọc T làm sổ sách kế toán, kê khai báo cáo thuế cho Công ty T15. Vì vậy, T đã nhờ các mối quan hệ bạn bè, quen biết để tìm thuê kế toán hoàn thiện sổ sách kế toán cho công ty.

Được bạn bè giới thiệu, T đã liên hệ với Nguyễn Thị N1, sinh năm 1981, trú tại Tổ A, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên đang hành nghề kế toán để hoàn thiện sổ sách kế toán, kê khai báo cáo thuế cho Công ty T15 với yêu cầu hoàn thành xong trong tháng 06/2022 để phục vụ kiểm tra thuế và được N1 đồng ý. Tuy nhiên, do N1 bận công việc và không tự tin để tự hoàn thiện được hết sổ sách kế toán lĩnh vực xăng dầu theo yêu cầu của T nên N1 đã thông qua mối quan hệ quen biết để liên hệ với Lê Thị P, sinh năm 1980, trú tại tổ F, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên cũng hành nghề kế toán hoàn thiện sổ sách kế toán cho Công ty T15.

Qua trao đổi, N1 và P thống nhất chi phí để hoàn thiện sổ sách kế toán cho Công ty T15 là 36.000.000 đồng *(Ba mươi sáu triệu đồng)*. N1 trao đổi với T về mức chi phí trên, T đồng ý và đã chuyển số tiền 18.000.000 đồng *(Mười tám triệu đồng)* vào Tài khoản ngân hàng 02800249801 của N1 mở tại Ngân hàng T16- Chi nhánh T17, số tiền còn lại 2 bên thỏa thuận sẽ trả nốt sau khi N1 hoàn thiện sổ sách cho Công ty T15. Số tiền 18.000.000 đồng nêu trên đã được N1 chuyển vào Tài khoản ngân hàng 102870875936 của P mở tại Ngân hàng C2- Chi nhánh T17.

Sau khi thống nhất với N1, T cùng Nguyễn Thị H1, sinh năm 1987, trú tại xóm H, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên *(*H1 *là kế toán của* Công ty trách nhiệm hữu hạn T18 *được* T *nhờ làm giúp một số việc liên quan đến xuất hóa đơn, kê khai thuế cho* Công ty T15*)* mang sổ sách kế toán, hóa đơn, chứng từ của Công ty T15 năm 2021 đến nhà riêng của N1. Khi bàn giao sổ sách, hóa đơn, chứng từ của công ty cho N1, T nói với N1 nếu có vấn đề gì liên quan đến kế toán trong quá trình hoàn thiện sổ sách kế toán của Công ty T15 thì N1 liên hệ với H1 và B1 vì T không biết gì về kế toán mà B1 còn đang giữ một số sổ sách, hóa đơn, chứng từ của Công ty T15 chưa làm xong. Sau khi nhận sổ sách kế toán, tài liệu từ T, N1 gọi điện thoại cho P đến lấy về hoàn thiện sổ sách kế toán cho Công ty T15 như đã thỏa thuận trước đó.

Để hoàn thiện sổ sách kế toán cho Công ty T15, P đã liên hệ với Dương Thị T2, sinh năm 1987, trú tại tổ E, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên là kế toán hành nghề tự do. P và T2 trao đổi với nhau sẽ chia đôi sổ sách kế toán của Công ty T15 để kiểm tra, rà soát lại sổ sách và kê khai bổ sung.

Trong quá trình hạch toán, kê khai bổ sung cho Công ty T15, P thấy T13 khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân năm 2021 lần đầu vào ngày 31/3/2023 của Công ty T15 chỉ kê khai tổng số người lao động là 03 người với tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân (trả tiền lương cho người lao động) là **136.310.058** đồng nên P đã tổng hợp lại thành một bản "*Tổng hợp các nội dung đề nghị đơn vị cung cấp*" nêu ra 14 vấn đề của Công ty T15 cần bổ sung, trong đó có vấn đề thứ 8 với nội dung *"...chi phí còn thiếu khoảng hơn 03 tỷ: Cung cấp CMTND đã có mã số thuế để làm lại bảng lương: Đề nghị gửi thêm khoảng 15-20 CMTND đã có MST nữa..."* rồi gửi cho N1 để N1 yêu cầu T, H1 cung cấp

nhằm mục đích làm cơ sở cho việc kê khai, quyết toán thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2021 theo hướng tăng chi phí thuê nhân công, giảm số thuế TNDN phải nộp.

N1 biết mục đích của P nên thông báo cho H1 và H1 thông báo lại cho T. T, H1 biết thực tế Công ty T15 chỉ sử dụng thường xuyên 03 lao động và nếu làm theo thì công ty sẽ được giảm số tiền thuế phải nộp nên đã đồng ý. Thông qua các mối quan hệ quen biết, Tân photo Chứng minh nhân dân (CMND) của một số người sinh sống trên địa bàn huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, còn H1 thì photo CMND của một số người là nhân viên, lái xe của Công ty TNHH T18 rồi đến nhà riêng của T tại xóm Q, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên để lấy những bản photo CMND mà T đã thu thập trước đó để sẵn trên bàn làm việc và gửi qua đường xe bus cho N1. Khi nhận được các bản photo CMND của H1 gửi, N1 đã đưa trực tiếp và gửi ảnh chụp qua phần mềm Zalo cho P, P chuyển tiếp hình ảnh CMND cho T2 để làm lại phần chi phí tiền lương. Từ đó, P tạo lập khống 33 Hợp đồng lao động của Công ty T15 với 33 người *(trong đó duy nhất có anh* Ma Văn D1*, sinh năm 1988, trú tại* xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên *làm việc thực tế tại công ty nhưng không được ký Hợp đồng lao động)*, còn T2 tạo lập Bảng thanh toán tiền lương năm 2021 của công ty sao cho mỗi tháng thường xuyên sử dụng 24 người lao động, 03 tháng điều chỉnh tên người lao động 01 lần, không vượt quá mức phải nộp thuế Thu nhập cá nhân (TNCN) với tổng số tiền chi trả lương cho người lao động là **3.223.243.853** đồng (đã bao gồm các khoản phụ cấp). Ngày 16/6/2022, Công ty T15 nộp Tờ khai Quyết toán thuế TNCN năm 2021 bổ sung lần 1 cho Cục Thuế tỉnh T thể hiện tổng số người lao động trong năm 2021 của Công ty T15 là 33 người, tổng thu nhập chịu thuế là 2.865.903.846 đồng (chưa bao gồm các khoản phụ cấp) để điều chỉnh tờ khai lần đầu của Công ty T15 là 03 người với tổng thu nhập chịu thuế là **136.310.058** đồng.

Khoảng ngày 24/06/2022, P và T2 hoàn thiện xong sổ sách kế toán của Công ty T15. P mang toàn bộ sổ sách kế toán đến nhà riêng của N1 để bàn giao cho N1. Vài ngày sau, N1 liên hệ với T đến lấy sổ sách kế toán và T đã chuyển cho N1 số tiền 18.000.000 đồng. N1 thông báo cho P biết đã nhận đủ số tiền chi phí hoàn thiện sổ sách kế toán cho Công ty T15 và chuyển số tiền 15.000.000 đồng vào tài khoản của P, rồi P chuyển cho T2 toàn bộ số tiền cho T2.

Từ thủ đoạn tạo lập sổ sách, chứng từ khống về chi phí thuê nhân công nên trong năm tài chính 2021, Công ty T15 không phải nộp khoản tiền thuế nào vì chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ là **62.978.047.948** đồng (Giá vốn bán hàng: 58.974.151.066; Chi phí quản lý doanh nghiệp: 4.003.896.882) trong khi tổng doanh thu là **62.756.420.013** đồng (Doanh thu bán bán hàng: 62.756.295.027; Doanh thu tài chính: 124.986) lỗ **221.627.935** đồng và mức lương của 33 người lao động mà Công ty T15 đã kê khai là dưới 132.000.000 đồng/năm (thuộc diện giảm trừ gia cảnh).

Về số tiền 36.000.000 đồng chi phí để làm lại sổ sách kế toán nêu trên: P được hưởng lợi số tiền 18.000.000 đồng; T2 được hưởng lợi số tiền 15.000.000 đồng; N1 được hưởng lợi số tiền 3.000.000 đồng.

***1.2. Hành vi Trốn thuế thu nhập doanh nghiệp bằng thủ đoạn không xuất hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ***

Kể từ khi Công ty T15 thành lập đến tháng 06/2022, để phục vụ cho việc kinh doanh, phân phối xăng dầu, Phạm Ngọc T đã nhập mua xăng dầu từ một số doanh nghiệp đầu mối, phân phối xăng dầu như Công ty X (P5), Công ty Cổ phần T19…và xuất bán cho một số công ty, doanh nghiệp đều có hóa đơn, chứng từ, kê khai báo cáo thuế đầy đủ theo quy định tại Nghị định 123/2020/NĐ-CP quy định về hóa đơn, chứng từ ngày 19/10/2020.

Tuy nhiên, khi xuất bán xăng dầu cho một số hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn các tỉnh Tuyên Quang, Lai Châu, Sơn La và thành phố Hà Nội thì những người này không lấy hóa đơn, T biết rõ việc bán hàng không xuất hóa đơn, chứng từ là vi phạm quy định về hóa đơn, chứng từ nhưng vẫn thực hiện và việc bán hàng không xuất hóa đơn chủ yếu diễn ra từ đầu năm 2021 đến tháng 06/2022. Khi xuất bán hàng hóa, T không thông báo cho kế toán của công ty biết để tạo lập, xuất hóa đơn bán ra và không lập chứng từ mua bán hàng hóa giữa Công ty T15 với người mua để kê khai, báo cáo thuế.

Để theo dõi việc bán hàng hóa không xuất hóa đơn, T đã sử dụng một số file Excel như *"BTH BÁN HÀNG KHÁCH LẺ -2021", "BTH BÁN HÀNG KHÁCH LẺ -2022", "Tổng hợp mua bán khách lẻ - 2021", "Tổng hợp mua bán khách lẻ - 2022"*... lưu trong một ổ cứng di động màu đen, kích thước 15x10cm, có tên ORICO L. Khai thác những tập tin dữ liệu điện tử trên cùng những tài liệu đã thu thập được, có đủ căn cứ xác định **2.680.508**lít xăng dầu các loại đã được Công ty T15 xuất bán mà không xuất hóa đơn với đầy đủ thông tin về hóa đơn mua vào, thời điểm mua, giá mua, thời điểm bán, giá bán, doanh thu từ việc bán hàng hóa để phục vụ trưng cầu giám định thuế.

Từ thủ đoạn không xuất hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ như nêu trên, Phạm Ngọc T đã bỏ ngoài sổ sách, không kê khai doanh thu bán hàng của 2.680.508 lít xăng dầu tương ứng với số tiền doanh thu là 1.661.711.735 đồng.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định tại Cục thuế tỉnh T về việc chấp hành nghĩa vụ thuế của Công ty T15 đối với Nhà nước, *kết quả*:

Tại Kết luận giám định số 5649/KL-GĐT ngày 11/11/2022 của Cục Thuế tỉnh T*, kết luận*: Việc công ty Cổ phần T14 đã tạo lập, sử dụng chứng từ, tài liệu không hợp pháp để kê khai, quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 làm tăng chi phí tiền lương khống từ tháng 01/2021 đến tháng 12/2021 đối với 33 trường hợp lao động số tiền là: 3.103.243.853 đồng, làm giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 phải nộp. Đã vi phạm hành vi trốn thuế, quy định

tại Khoản 4, Điều 143 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019. Tổng cộng số thuế thu nhập doanh nghiệp trốn là: 602.913.565 đồng.

Tại Kết luận giám định số 5467/KL-GĐT ngày 05/10/2023 của Cục Thuế tỉnh T, *kết luận*: Việc Công ty Cổ phần T14 đã bán hàng không xuất hóa đơn, không kê khai nộp thuế đối với 2.680.508 lít xăng dầu làm giảm số thuế TNDN phải nộp của năm 2021 và năm 2022. Đã vi phạm hành vi trốn thuế, quy định tại Khoản 3 Điều 143 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2020. Tổng số thuế TNDN trốn của năm 2021 và 06 tháng đầu năm 2022 là: 332.342.347 đồng.

**Như vậy:** Tổng cộng số tiền trốn thuế của doanh Nghiệp là: **935.255.912** đồng (Chín trăm ba mươi lăm triệu, hai trăm năm mươi lăm nghìn, chín trăm mười hai đồng).

**Vật chứng của vụ án:**

- 01 (một) thùng các tông kích thước 56x40x25 cm (dài x rộng x cao), mặt ngoài thùng có dán giấy nội dung "SỔ SÁCH KẾ TOÁN CHỨNG TỪ C3 (2021-2022) và dán niêm phong tại 04 cạnh của thùng các tông;

- 01 (một) thùng các tông kích thước 56x40x25 cm, mặt ngoài thùng có dán giấy nội dung "SỔ SÁCH KẾ TOÁN CHỨNG TỪ C3 (2019-2020) và dán niêm phong tại 04 cạnh của thùng các tông;

- 01 (một) thùng các tông kích thước 45x33x25 cm, mặt ngoài thùng có dán giấy nội dung "SỔ SÁCH KẾ TOÁN CHỨNG TỪ C3 (2017-2018) và dán niêm phong tại 04 cạnh của thùng các tông;

- 01 (một) thùng các tông kích thước 31x26x32 cm, ký hiệu A1, có dán niêm phong tại 04 cạnh của thùng các tông;

- 01 (một) cây máy vi tính nhãn hiệu UTek, vỏ màu đen, có dán giấy niêm phong tại mặt trước và mặt sau;

- 01 (một) máy tính laptop nhãn hiệu ASUS, có Device ID: 88FCF929-A88F-4B89-B754-D7593852D3D4;

- 01 (một) máy tính laptop nhãn hiệu ACER, model N15Q1, màu đen, số S/N: NXMVHSV 004534076257600;

Số vật chứng trên hiện đang được bảo quản tại Kho vật chứng và tài khoản của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 118/CT - VKSTN, ngày 30/11/2023 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố các bị cáo Phạm Ngọc T, Lê Thị P, Dương Thị T2, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị H1 về tội *"Trốn thuế"*theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 200 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Phần luận tội tại phiên tòa hôm nay, sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Phạm Ngọc T, Lê Thị P, Dương Thị T2, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị H1 phạm tội "Trốn thuế":

**1. Hình phạt:**

- **Bị cáo** Phạm Ngọc T**:** Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 200; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt T: Từ 18 -21 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 - 42 tháng.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 20.000.000- 30.000.000 đồng.

- **Bị cáo** Nguyễn Thị N1**:** Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 200; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt N1: Từ 15 - 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 - 36 tháng.

- **Bị cáo** Lê Thị P**,** Dương Thị T2**:** Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 200; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Thị H1**:** Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 200; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt mỗi bị cáo: Từ 12-15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 - 30 tháng.

Về phạt bổ sung: Đề nghị miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo N1, P, T2, H1.

**2. Về trách nhiệm dân sự:** Trong vụ án này bị cáo T là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty T15, bị cáo với tư cách cá nhân đã thực hiện hành vi trốn thuế TNDN có lợi cho doanh nghiệp, số tiền trốn thuế bị cáo T đã thực hiện là 935.255.912 đồng, bị cáo đã khắc phục hậu quả số tiền là 260.000.000 đồng. Do đó bị cáo cần tiếp tục truy thu buộc bị cáo nộp số tiền trốn thuế còn lại là: 675.255.912 đồng.

**3. Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 cây máy vi tính nhãn hiệu UTek, vỏ màu đen, có dán giấy niêm phong tại mặt trước và mặt sau; 01 máy tính laptop nhãn hiệu ASUS; 01 máy tính laptop nhãn hiệu ACER.

- Trả lại cho Công ty T15: 01 thùng các tông kích thước 56x40x25 cm (dài x rộng x cao), mặt ngoài thùng có dán giấy nội dung "SỔ SÁCH KẾ TOÁN CHỨNG TỪ C3 (2021-2022) và dán niêm phong tại 04 cạnh của thùng các tông; 01 thùng các tông kích thước 56x40x25 cm, mặt ngoài thùng có dán giấy nội dung "SỔ SÁCH KẾ TOÁN CHỨNG TỪ C3 (2019- 2020) và dán niêm phong tại 04 cạnh của thùng các tông; 01 thùng các tông kích thước 45x33x25 cm, mặt ngoài thùng có dán giấy nội dung "SỔ SÁCH KẾ TOÁN CHỨNG TỪ C3 (2017- 2018) và dán niêm phong tại 04 cạnh của thùng các tông; 01 thùng các tông kích thước 31x26x32 cm, ký hiệu A1, có dán niêm phong tại 04 cạnh của thùng các tông.

Đối với số tiền 36 triệu đồng do bị cáo T bỏ ra thuê các bị cáo N1, P, T2 hoàn thiện sổ sách kế toán. Xác định đây là tiền dùng vào việc phạm tội nên cần truy thu sung công quỹ Nhà nước;

Luận cứ của người bào chữa cho bị cáo Lê Thị P đề nghị: Căn cứ điểm b khoản 2, Điều 200, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 54, Điều 65 Bộ Luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị P 09 tù cho hưởng án treo; không áp dụng hình phạt bổ sung đối bị cáo.

Trong phần tranh luận các bị cáokhông tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát; bị cáo Lê Thị P đồng ý với luận cứ của người bào chữa.

Đại diện viện kiểm sát không có tranh luận đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc quyết định hình phạt đối với từng bị cáo.

Lời nói sau cùng, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được cải tạo tại địa phương để có cơ hội làm việc, sửa chữa sai lầm cải tạo thành công dân tốt cho gia đình và xã hội.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng, người bào chữa cho bị cáo Lê Thị P; xét thấy những người này đã đượcTòa án triệu tập hợp lệ. Tại phiên tòa bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên cũng như bị cáo P đề nghị xét xử vắng mặt những người này, Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt  không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, các kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong thời điểm tháng 05/2022, Phạm Ngọc T đã chủ động liên hệ với bị cáo Nguyễn Thị N1 để nhờ N1 hoàn thiện sổ sách kế toán quyết toán thuế cho Công ty T15. Sau đó N1 đã thuê lại Lê Thị P, Dương Thị T2. Cùng với sự giúp

sức của Nguyễn Thị H1 các bị cáo lập khống 33 Hợp đồng lao động của Công ty T15 tạo lập bảng thanh toán tiền lương của năm 2021 khống với tổng số tiền chi trả lương cho người lao động là 3.103.243.853 đồng để tăng chi phí quản lý giảm số thuế TNDN phải nộp cho Nhà nước. Số tiền Trốn thuế TNDN là: **602.913.565** đồng.

Ngoài ra, trong thời điểm từ đầu năm 2021 đến tháng 06/2022 khi xuất bán xăng dầu cho một số hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn các tỉnh lân cận Phạm Ngọc T không thông báo cho kế toán của công ty biết để tạo lập, xuất hóa đơn bán ra và không lập chứng từ mua bán hàng hóa giữa Công ty T15 với người mua để kê khai, báo cáo thuế. Từ thủ đoạn không xuất hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ như nêu trên, Phạm Ngọc T đã bỏ ngoài sổ sách, không kê khai doanh thu bán hàng 2.680.508 lít xăng dầu tương ứng với số tiền doanh thu là 1.661.711.735 đồng. Số tiền trốn thuế TNDN của năm 2021 và 06 tháng đầu năm 2022 là: 332.342.347 đồng.

Tổng số tiền trốn thuế TNDN của doanh Nghiệp T20 mà do bị cáo Phạm Ngọc T là người trực tiếp điều hành chỉ đạo thực hiện và phải chịu trách nhiệm hình sự là: **935.255.912** đồng (Chín trăm ba mươi lăm triệu, hai trăm năm mươi lăm nghìn, chín trăm mười hai đồng). Trong đó các bị cáo Lê Thị P, Dương Thị T2, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị H1 phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm là: **602.913.565** đồng (Sáu trăm linh hai triệu, chín trăm mười ba nghìn, năm trăm sáu mươi lăm đồng).

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý thuế của Nhà nước, cụ thể là hoạt động thu ngân sách nhà nước dẫn đến thất thu ngân sách, gây thiệt hại tiền thuế cho Nhà nước. Hành vi trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trốn thuế" theo quy định định tại điểm b khoản 2 Điều 200 Bộ luật hình sự:

**Nội dung điều 200 Bộ luật hình sự:**

*"1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây trốn thuế với số tiền từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trốn thuế hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196, 202, 248, 249, 250, 251, 252, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm:*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:*

*b) Số tiền trốn thuế từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng"*

...

[3]. Xét vai trò, tính chất vụ án:Trong vụ án này bị cáo T trực tiếp liên hệ trao đổi với N1 về việc hoàn thiện sổ sách kế toán của Công ty  sau đó bị cáo N1 đã liên hệ, thuê lại bị cáo P, T2 thực hiện, các bị cáo P, T2 và H1 là những người giúp sức, trực tiếp thực hiện tội phạm. Các bị cáo thực hiện tội phạm với vai trò đồng phạm, trong đó bị cáo T là người đặt vấn đề hoàn thiện sổ sách của công ty nên là người giữ vai trò chính cao nhất phải chịu phải chịu mức án cao hơn các bị cáo khác. Bị cáo N1 thực hiện với vai trò là chuyển tiếp thông tin tài liệu giữa Phạm Ngọc T với Lê Thị P, nên khi lượng hình HĐXX xẽ cân nhắc xem xét mức án của từng bị cáo cho phù hợp

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Trong vụ án này, do muốn thu lời bất chính nên các bị cáo đã có hành vi khai khống chi phí nhân công bị cáo T đã không xuất hóa đơn khi bán hàng, gây thất thu cho ngân sách, gây thiệt hại đến tiền thuế của Nhà nước. Hành vi này cần phải được xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự, cần buộc bị cáo phải chịu mức án tương xứng với tính chất, hành vi do các bị cáo gây ra để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình có thái độ ăn năn hối cải, do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Các bị cáo T, P, T2 và H1 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, do đó các bị cáo này được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự; các bị cáo N1, P và T2 trong quá trình điều tra và trước khi xét xử đã tự nguyện nộp tiền thu lời bất chính nên các bị cáo này được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, Bị cáo P có mẹ đẻ được tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạnh Nhì nên bị cáo P được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T đã tự nguyện nộp 260 triệu đồng tiền trốn thuế nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự;

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Khi lượng hình Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo T, P, H1 và T2 có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo Nguyễn Thị N1 mặc dù năm 2014 đã bị kết án nhưng đã được xóa án tích tính chất mức độ tội phạm lần này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Do vậy, không cần thiết phải cách

ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà có căn cứ áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình cũng đảm bảo tính răn đe và ngăn ngừa chung. Bị cáo H1 là bị cáo duy nhất không được hưởng lợi do vậy khi quyết định hình phạt cần áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội nhằm thu lời bất chính nên cần áp dụng khoản 4 Điều 200 Bộ luật hình sự phạt bổ sung bằng tiền đối với mỗi bị cáo; Tuy nhiên các bị cáo N1, P, T2, H1 thực hiện tội phạm với vai trò gúp sức không có việc làm ổn định, không có tài sản riêng, nên miễn hình phạt bổ sung đối với N1, P, T2, H1.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Phạm Ngọc T 20 triệu đồng thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh Điều luật áp dụng đối với các bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Vật chứng vụ án: Đối với các sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty T15 là 04 thùng cát tông:

1- 01 (một) thùng các tông kích thước 56 x 40 x 25 cm (dài x rộng x cao), mặt ngoài thùng có dán giấy nội dung "SỔ SÁCH KẾ TOÁN CHỨNG TỪ C3 (2021-2022) và dán niêm phong tại 04 cạnh của thùng các tông;

2- 01 (một) thùng các tông kích thước 56 x 40 x 25 cm, mặt ngoài thùng có dán giấy nội dung "SỔ SÁCH KẾ TOÁN CHỨNG TỪ C3 (2019 - 2020) và dán niêm phong tại 04 cạnh của thùng các tông;

3- 01 (một) thùng các tông kích thước 45 x 33 x 25 cm, mặt ngoài thùng có dán giấy nội dung "SỔ SÁCH KẾ TOÁN CHỨNG TỪ CTY T N HÀ (2017 - 2018) và dán niêm phong tại 04 cạnh của thùng các tông;

4- 01 (một) thùng các tông kích thước 31 x 26 x 32 cm, ký hiệu **A1**, có dán niêm phong tại 04 cạnh của thùng các tông;

04 thùng các tông trên cần trả cho Công ty T15 quản lý.

Đối với các tài sản: 01 (một) cây máy vi tính nhãn hiệu UTek, vỏ màu đen, có dán giấy niêm phong tại mặt trước và mặt sau; 01 (một) máy tính laptop nhãn hiệu ASUS, Model: S530U Notebook PC, contains FCC ID: PD98265NG, đã qua sử dụng, không lên nguồn, không có dây sạc; 01 (một) máy tính laptop nhãn hiệu ACER, model N15Q1, màu đen, số S: NXMVHSV 004534076257600, đã qua sử dụng, không có dây sạc là các công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với số tiền 36 triệu đồng do bị cáo T bỏ ra thuê các bị cáo N1, P, T2 hoàn thiện sổ sách kế toán. Xác định đây là tiền dùng vào việc phạm tội nên cần truy thu sung công quỹ Nhà nước; Trong đó N1 đã nộp lại 03 triệu (đã xong); P nộp lại 18 triệu (đã xong) Trình nộp lại 03 triệu đồng tiếp tục truy thu số tiền còn lại là 12 triệu đồng sung công quỹ Nhà nước.

[6]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định.

[7]. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8]. Trong quá trình tố tụng xét thấy:

- Đối với Nguyễn Thị Thu H: Là Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty T15, ông Phạm Văn T1 là thành viên Hội đồng quản trị nhưng trên thực tế không điều hành, quản lý Công ty T15, không tham gia, không trực tiếp ký tên trên các loại giấy tờ, sổ sách kế toán liên quan đến hành vi Trốn thuế do các bị cáo thực hiện. Cơ quan điều tra không xem xét xử lý, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thị Thu H là phù hợp.

- Đối với Lưu Thị B1- Kế toán Công ty T15 là người thực hiện các công việc kế toán của Công ty T15 kể từ khi Phạm Ngọc T mua lại Doanh nghiệp tư nhân T21 vào năm 2017 (sau đó đăng ký thay đổi hình thức kinh doanh là Công ty TNHH T14) cho đến tháng 09/2021. Quá trình điều tra xác định B1 không có hành vi giúp sức, tạo điều kiện cho Lê Thị P, Dương Thị T2 tạo lập Hợp đồng lao động khống, Bảng thanh toán tiền lương khống cho Công ty T15, không tham gia vào hành vi bán hàng không xuất hóa đơn của Phạm Ngọc T. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với Lưu Thị B1 là có căn cứ.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Ngọc T, Lê Thị P, Dương Thị T2, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị H1 phạm tội **"Trốn thuế".**

**1.Về hình phạt:**

1.1. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 200, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ Luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T **18** (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 20 triệu đồng nộp ngân sách nhà nước.

1.2.Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 200, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ Luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N7 **(Mười lăm)** tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.3.Áp dụng điểm b khoản 2Điều 200, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ Luật hình sự,

- Xử phạt bị cáo Lê Thị P **12 (Mười hai)** tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (Hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Dương Thị T2 **12 (Mười hai)** tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (Hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.4. Áp dụng điểm b khoản 2Điều 200; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65; Điều 54 Bộ Luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H1 **09 (chín)** tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Ngọc T cho UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Thị H1 cho UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Lê Thị P cho UBND phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Dương Thị T2 cho UBND phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Thị N1 cho UBND phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**2. Vật chứng vụ án:** Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

*** Trả cho** Công ty T15**:**

- 01 (một) thùng các tông kích thước 56x40x25 cm (dài x rộng x cao), mặt ngoài thùng có dán giấy nội dung "SỔ SÁCH KẾ TOÁN CHỨNG TỪ C3 (2021-2022) và dán niêm phong tại 04 cạnh của thùng các tông;

- 01 (một) thùng các tông kích thước 56x40x25 cm, mặt ngoài thùng có dán giấy nội dung "SỔ SÁCH KẾ TOÁN CHỨNG TỪ C3 (2019-2020) và dán niêm phong tại 04 cạnh của thùng các tông;

- 01 (một) thùng các tông kích thước 45x33x25 cm, mặt ngoài thùng có dán giấy nội dung "SỔ SÁCH KẾ TOÁN CHỨNG TỪ C3 (2017-2018) và dán niêm phong tại 04 cạnh của thùng các tông;

- 01 (một) thùng các tông kích thước 31x26x32 cm, ký hiệu A1, có dán niêm phong tại 04 cạnh của thùng các tông;

*** Tịch thu sung quỹ Nhà nước:**

- 01 (một) cây máy vi tính nhãn hiệu UTek, vỏ màu đen, có dán giấy niêm phong tại mặt trước và mặt sau;

- 01 (một) máy tính laptop nhãn hiệu ASUS, Model: S530U Notebook PC, contains FCC ID: PD98265NG, đã qua sử dụng, không lên nguồn, không có dây sạc;

- 01 (một) máy tính laptop nhãn hiệu ACER, model N15Q1, màu đen, số S: NXMVHSV 004534076257600, đã qua sử dụng, không có dây sạc;

*(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng số 38 ngày 04 tháng 12 năm 2023 giữa* Công an tỉnh T *với* Cục THADS tỉnh T*).*

* Truy thu sung công quỹ Nhà nước

- Công ty cổ phần T14 (Phạm Ngọc T có trách nhiệm phải nộp) 935.255.912 đồng được trừ đi 10 triệu đồng đã nộp tại giấy nộp tiền ngày 03/3/2023 của Ngân hàng TMCP C2 (theo ủy nhiệm chi số 268/477 ngày 23/11/2023), 250 triệu đồng theo biên lai thu tiền số 0000410 ngày 08/3/2024 của Cục thi hành án Dân sự tỉnh Thái Nguyên; bị cáo Phạm Ngọc T còn phải nộp tiếp 675.255.912 đồng.

- Dương Thị T2 15 triệu đồng được trừ đi 03 triệu đồng đã nộp tại giấy nộp tiền ngày 03/3/2023 của Ngân hàng TMCP C2 (theo ủy nhiệm chi số 268/477 ngày 23/11/2023); Bị cáo còn phải nộp tiếp 12 triệu đồng.

- Lê Thị P 18 triệu đồng đã nộp 03 triệu đồng tại giấy nộp tiền ngày 03/3/2023 của Ngân hàng TMCP C2 (theo ủy nhiệm chi số 268/477 ngày 23/11/2023), 15 triệu đồng theo biên lai thu tiền số 0000420 ngày 18/3/2024 của Cục thi hành án Dân sự tỉnh Thái Nguyên (đã xong).

- Nguyễn Thị N1 03 triệu đồng tại giấy nộp tiền ngày 14/3/2023 của Ngân hàng TMCP C2 (theo ủy nhiệm chi số 268/477 ngày 23/11/2023) (đã xong)

**3. Án phí**: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án: Buộc các bị cáo Phạm Ngọc T, Lê Thị P, Nguyễn Thị N1, Dương Thị T2 và Nguyễn Thị H1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- TAND cấp cao tại Hà Nội;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒ**

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự.

**Dương Văn Bản**